

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2024

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường

2. Ông Huỳnh Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Tống Thị Mỹ D** sinh năm: 2002

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: anh **Ngô Văn P** sinh năm: 1991

Địa chỉ: số D, tổ X, khu Y, thị trấn Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Tống Thị Mỹ D** trình bày: chị và anh **Ngô Văn P** tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **P** thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm chị, đánh chị, hăm dọa chị nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2024 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **P** nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Ngô Văn P trình bày: anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D do còn thương vợ, nguyên nhân mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng, anh sẽ khắc phục sửa chữa hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng về chung sống. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp.

Tại phiên tòa chị D vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt), anh P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh P là phù hợp điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Tổng Thị Mỹ D khởi kiện anh Ngô Văn P về việc xin ly hôn. Anh P cư trú tại số D, tổ X, khu Y, thị trấn Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Tổng Thị Mỹ D và anh Ngô Văn P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2018 được Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 2022 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị D và anh P đều xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do anh P thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm chị D, đánh và hăm dọa chị D nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2024 đến nay không có hàn gắn tình cảm nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh P. Anh P tuy không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác anh P vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập họp lệ chứng tỏ anh P không quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị D ly hôn với anh P là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tống Thị Mỹ D và anh Ngô Văn P.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết,
3. Về án phí: chị Tống Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015165 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: chị Tống Thị Mỹ D, anh Ngô Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.
5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

